

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ - ST

Ngày 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Chiến

2. Bà Mai Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử 2 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đinh Thị Ngọc A, sinh năm 19xx.

Nơi thường trú: tổ xxx, khu xx, phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Trịnh Việt D, sinh năm 19xx.

Nơi thường trú: tổ xxx, khu xx, phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành án tại đội x, phân trại số x Trại giam T1. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị Đinh Thị Ngọc A trình bày: chị Đinh Thị Ngọc A và anh Trịnh Việt D được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2011 đến năm 2012 vợ chồng chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y1, tỉnh Đ1. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị A chung sống tại tổ xxx, khu xx, phường P1, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung vợ chồng chị A hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D chơi bời, bị buộc thôi việc tại Công ty cổ phần than C1. Anh D không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình vợ con và nhiều lần vi phạm pháp luật về hành vi trộm cắp, cướp giật tài sản. Để có tiền ăn chơi, anh D mang tài sản trong gia đình cầm cố, xin tiền chị A không được thì gây quấy rối. Chị A và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng nhiều

năm nay anh D không thể sửa đổi. Tháng 12/2021, anh D bị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1. Chị A không còn tin tưởng anh D có thể thay đổi nên nếu tiếp tục chung sống cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Bản thân chị A không còn tình cảm với anh D nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh D.

Chị Đinh Thị Ngọc A và anh Trịnh Việt D có một con chung là Trịnh Việt A1, sinh ngày xx/xx/20xx. Chị A xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con. Hiện chị A có cửa hàng làm đẹp thu nhập 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Việt D có bản tự khai và đơn đề nghị từ chối hòa giải và xét xử vắng mặt có xác nhận của Trại giam T1 cụ thể như sau: anh Trịnh Việt D và chị Đinh Thị Ngọc A được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2011, đến năm 2012 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y1, tỉnh Đ1. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D, chị A ở nhà ngoại khoảng 6 tháng sau đó chuyển về tổ xxx, khu xx, phường P1, thành phố Cẩm Phả ở cùng với gia đình nhà nội đến khoảng năm 2019 vợ chồng xây nhà ở riêng trên đất của bố mẹ anh D cho. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng xảy ra cãi nhau. Trong quá trình chung sống anh D nhiều lần phải đi chấp hành án phạt tù và lần nào cũng được chị A động viên. Tháng 12/2021, anh D tiếp tục bị xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Quá trình anh D cải tạo tại Trại giam T1, chị A nhiều lần nói cho anh biết muốn ly hôn nhưng anh D không đồng ý. Anh D hứa sau khi chấp hành án xong trở về địa phương sẽ sửa đổi, bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung anh Trịnh Việt D và chị Đinh Thị Ngọc A có một con chung là Trịnh Việt A1, sinh ngày xx/xx/20xx. Nếu vợ chồng ly hôn, anh D muốn con ở với ông bà nội khi anh trở về sẽ nuôi dưỡng con. Tuy nhiên việc lựa chọn ở với ai, anh D sẽ tôn trọng theo ý kiến của con.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Biên bản xác minh ngày 14/7/2022 nơi chị Đinh Thị Ngọc A và anh Trịnh Việt D chung sống thể hiện anh D là đối tượng nghiện ma túy, đã bị Công ty buộc nghỉ việc, nhiều lần vi phạm pháp luật và không có trách nhiệm với gia đình mà còn gây khó khăn cho cuộc sống của vợ con. Chị A có cửa hàng làm đẹp, có thu nhập, sức khỏe, đạo đức tốt đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đinh Thị Ngọc A yêu cầu xin ly hôn với anh Trịnh Việt D hiện cư trú trên địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc A và bị đơn anh Trịnh Việt D có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Đinh Thị Ngọc A và anh Trịnh Việt D đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y1, tỉnh Đ1 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng chị A, anh D hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D nghiện ma túy, chơi bời, không tu trí làm việc, không có thu nhập để cùng chị A xây dựng cuộc sống gia đình. Anh D cố tình gây khó khăn trong công việc của chị A và nhiều lần vi phạm pháp luật khiến chị A không còn niềm tin và tình cảm với anh D. Anh D không đồng ý ly hôn tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chị A, anh D xảy ra nhiều năm, ngày càng căng thẳng, trầm trọng, bản thân anh D đang phải chấp hành án phạt tù nên vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn. Lời khai của chị A và anh D về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị A, anh D tại nơi cư trú. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A ly hôn anh D.

[3] Về con chung: chị Đinh Thị Ngọc A và anh Trịnh Việt D có một con chung là Trịnh Việt A1, sinh ngày xx/xx/20xx. Chị A và anh D đều có quan điểm xin trực tiếp nuôi con; chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con; anh D đề nghị giao con cho bố mẹ anh nuôi dưỡng trong thời gian anh đang chấp hành án. Theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ mới có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi dưỡng con của chị A có công việc, thu nhập trung bình 10 triệu đồng/tháng và từ trước đến nay chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tốt, anh D đang chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng con. Do đó giao con chung cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, anh D không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản và nợ chung: không có.

[5] Về án phí: chị Đinh Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Đinh Thị Ngọc A và anh Trịnh Việt D có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc A.

Về hôn nhân: chị Đinh Thị Ngọc A được ly hôn anh Trịnh Việt D.

Về con chung: giao cho chị Đinh Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Việt A1, sinh ngày xx/xx/20xx cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trịnh Việt D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: chị Đinh Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000xxxxx ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị Đinh Thị Ngọc A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc A, bị đơn Trịnh Việt D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND xã L,
- huyện Y1, tỉnh Đ1;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Túc

